

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Dược lý và Dược lâm sàng

Mã số: 8720205

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Nam Cần Thơ

1.2. Tên gọi của văn bằng:

- **Tiếng Việt:** Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng

- **Tiếng Anh:** The degree of master of Pharmacology and Clinical Pharmacy

1.3. Tên chương trình đào tạo:

- **Tiếng Việt:** Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và Dược lâm sàng (định hướng ứng dụng)

- **Tiếng Anh:** Master's Program of Pharmacology and Clinical Pharmacy (Application orientation)

1.4. Mã số ngành đào tạo của chương trình đào tạo: 8720205

1.5. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn: 02 năm

1.6. Phương thức đào tạo: Tín chỉ

1.7. Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp.

1.8. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo: Tháng 12 năm 2023

1.9. Đơn vị quản lý: Khoa Dược– Trường Đại học Nam Cần Thơ

2. CHUẨN ĐẦU VÀO

2.1. Ngành học phù hợp không học bổ sung kiến thức: Dược sĩ đại học

2.2. Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức

Sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân hóa Dược, Bác sĩ đa khoa.

2.3. Yêu cầu chung:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Đối với các thí sinh tốt nghiệp các chuyên ngành phải học phải học bổ sung kiến thức thì thí sinh phải có quyết định công nhận kết quả học bổ sung kiến thức).

- Có trình độ ngoại ngữ B1 (bậc 3/6) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tương đương bậc 3/6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh chưa đáp ứng năng lực ngoại ngữ đầu vào đăng ký thi năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ cao hơn, hoặc có bài báo khoa học đúng chuyên ngành, có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây:

M1: Vận dụng được kiến thức cơ bản và chuyên ngành để xây dựng đề cương chi tiết đề tài nghiên cứu khoa học.

M2: Thực hiện chính xác các kỹ năng phòng thí nghiệm về dược lý thực nghiệm cũng như cận lâm sàng và lâm sàng.

M3: Thành thạo trong tìm kiếm thông tin thuốc, cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học và viết các báo cáo khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Về kiến thức

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng (định hướng ứng dụng) đạt được chuẩn đầu ra như sau:

PO1: Nắm vững kiến thức thực tế sâu, rộng các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành dược lý và dược lâm sàng.

PO2: Nắm vững kiến thức để sáng tạo, cũng như ứng dụng kiến thức liên ngành có liên quan như giải phẫu – sinh lý, nghiên cứu khoa học vào việc giải quyết những vấn đề về sử dụng thuốc, kê đơn, thông tin thuốc trong thực tiễn mà công cuộc đổi mới và hội nhập đang đặt ra.

PO3: Có tư duy phản biện và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc nghiên cứu và giảng dạy dược lý và dược lâm sàng. Trên cơ sở đó, có khả năng giám sát quản lý chặt chẽ việc tuân thủ quy trình sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và kinh tế.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng chuyên môn

PO4: Tham gia phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. Tham gia tư vấn trong quá trình xây dựng danh mục thuốc của đơn vị, đưa ra ý kiến hoặc cung cấp thông tin dựa trên bằng chứng về việc thuốc nào nên đưa vào hoặc bỏ ra khỏi danh mục thuốc để bảo đảm mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

PO5: Có kỹ năng truyền đạt, tập huấn, đào tạo về dược lâm sàng: Dược sĩ lâm sàng lập kế hoạch, chuẩn bị tài liệu, cập nhật kiến thức sử dụng thuốc cho bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, hộ sinh viên của đơn vị mình. Kế hoạch và nội dung phải được Giám đốc bệnh viện phê duyệt.

PO6: Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. Hướng dẫn và giám sát việc sử dụng thuốc trong bệnh viện.

4.2.2. Kỹ năng mềm

PO7: Tham gia nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

PO8: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương bậc 4/6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO9: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng. Thông tin thuốc cho người bệnh và cán bộ y tế: Dược sĩ lâm sàng cập nhật thông tin sử dụng thuốc, thông tin về thuốc mới, thông tin cảnh giác dược gửi đến cán bộ y tế và đến người bệnh bằng nhiều hình thức khác nhau như: trực tiếp, văn bản, bảng tin bệnh viện, thư điện tử, tranh ảnh, tờ hướng dẫn, trang thông tin điện tử.

PO10: Thích nghi tự định hướng nghề nghiệp và hướng dẫn người khác; ý thức, trách nhiệm trong hoạt động chuyên môn. Có khả năng tự học tập suốt đời, bồi dưỡng, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để không ngừng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn.

PO11: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn dược lý và dược lâm sàng.

PO12: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. Theo dõi, giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) và là đầu mối báo cáo các phản ứng có hại của thuốc tại đơn vị theo quy định hiện hành.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Các học phần thuộc khối kiến thức chung: 08 tín chỉ.

- 08 tín chỉ các học phần bắt buộc.

5.2. Các học phần thuộc nhóm khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 43 tín chỉ

- 08 tín chỉ các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành;
- 27 tín chỉ (14 tín chỉ lý thuyết + 13 tín chỉ thực hành) các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành;
- 08 tín chỉ thực tập chuyên môn.

5.3. Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ.

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 tín chỉ.

6. HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC CHO CÁC NGÀNH PHẢI BỔ SUNG KIẾN THỨC

Sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân hóa Dược, Bác sĩ đa khoa.

- Số học phần học bổ sung 04, tổng số tín chỉ: 12 tín chỉ.

Lưu ý: Sinh viên đang học từ năm thứ tư của chương trình đào tạo Dược sĩ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và các điều kiện khác do nhà trường quy định có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ của trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín

chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ (Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021).

7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
I. Phần kiến thức chung (08TC)									
1	DHTH	Triết học	3	BB		45			I
2	DHNN	Anh văn chuyên ngành Dược	2	BB		30			I
3	DHPP	Phương pháp NCKH Y-Dược	3	BB		45			I
<i>Cộng:08 TC (Bắt buộc:08 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
II. Phần kiến thức cơ sở ngành (08TC)									
4	DHSL	Sinh lý bệnh	2	BB		30			I
5	DHSD	Sinh dược học	2	BB		30			I
6	DHĐĐ	Dược động học ứng dụng trong lâm sàng	2	BB		30			I
7	DHPT	Dược lý phân tử	2	BB		30			I
<i>Cộng:08TC (Bắt buộc:08 TC; Tự chọn:0 TC)</i>									
III. Phần kiến thức chuyên ngành (27 TC)									
8	DHCG	LT. Thông tin thuốc và cảnh giác dược	2	BB		30			II
9	DHCG-TH	TH.Thông tin thuốc và cảnh giác dược	2	BB			60		II
10	DHĐG	LT. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	2	BB		30			II
11	DHĐG-TH	TH. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	2	BB			60		II
12	DHKS	LT. Dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh	2	BB		30			II

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọ n	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
13	DHKS- TH	TH. Dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh	2	BB			60		II
14	DHĐT	LT. Sử dụng thuốc trong điều trị	2	BB		30			II
15	DHĐT- TH	TH. Sử dụng thuốc trong điều trị	3	BB			90		II
16	DHCS	LT. Chăm sóc dược	2	BB		30			III
17	DHCS-TH	TH. Chăm sóc dược	2	BB			60		III
18	DHQL	LT. Quản lý dược bệnh viện	2	BB		30			
19	DHQL- TH	TH. Quản lý dược bệnh viện	2	BB			60		III
20	DHHS	LT.Hóa sinh lâm sàng	2	BB		30			III
<i>Cộng: 27 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
IV. Thực tập chuyên môn (08TC)									
21	DHCM	Thực tập chuyên môn có khối lượng 08 tín chỉ, do người học thực hiện tại cơ quan, tổ chức khác và được đánh giá bằng hình thức viết bài thu hoạch và chấm/thuyết trình theo kế hoạch của khoa chuyên môn. Kết quả thực tập chuyên môn được thể hiện trong bảng điểm các học phần của khoá học.							
V. Đề án tốt nghiệp (09TC)									
Đề án tốt nghiệp gồm 09 tín chỉ, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định hiện hành.									

8. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
M1	x	x	x					x				
M2				x	x	x	x					
M3									x	x	x	x

9. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

			Chuẩn đầu ra														
			Học phần			Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
						PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
TT	MHP	Tên HP															
Phần kiến thức chung																	
1	DHTH	Triết học	x									x					
2	DHNN	Anh văn chuyên ngành Dược									x		x				
3	DHPP	Phương pháp NCKH Y-Dược	x	x	x					x		x	x				
Phần kiến thức cơ sở ngành																	
4	DHSL	Sinh lý bệnh		x				x					x				
5	DHSD	Sinh dược học		x				x					x				
6	DHĐĐ	Dược động học ứng dụng trong lâm sàng		x	x	x	x					x	x	x			
7	DHPT	Dược lý phân tử		x								x	x	x			
Phần kiến thức chuyên ngành																	

Học phần			Chuẩn đầu ra											
			Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
			PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
TT	MHP	Tên HP												
8	DHCG	LT. Thông tin thuốc và cảnh giác dược			X	X	X	X	X		X	X	X	X
9	DHCG-TH	TH. Thông tin thuốc và cảnh giác dược			X	X	X	X	X		X	X	X	X
10	DHĐG	LT. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc			X	X	X	X	X		X	X	X	X
11	DHĐG-TH	TH. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc			X	X	X	X	X		X	X	X	X
12	DHKS	LT. Dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh			X	X		X				X	X	X
13	DHKS-TH	TH. Dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh			X	X		X				X	X	X
14	DHĐT	LT. Sử dụng thuốc			X	X	X	X	X			X	X	X

Học phần			Chuẩn đầu ra													
			Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm					
			PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12		
TT	MHP	Tên HP														
		trong điều trị														
15	DHĐT-TH	TH. Sử dụng thuốc trong điều trị			X	X	X	X	X				X	X	X	
16	DHCS	LT. Chăm sóc dược			X	X	X	X	X				X			X
17	DHCS-TH	TH. Chăm sóc dược			X	X	X	X	X				X			X
18	DHQL	LT. Quản lý dược bệnh viện			X	X	X	X	X			X	X	X	X	X
19	DHQL-TH	TH. Quản lý dược bệnh viện			X	X	X	X	X			X	X	X	X	X
20	DHHS	LT.Hóa sinh lâm sàng			X	X						X	X			X
21	DHCM	Thực tập chuyên môn			X	X	X	X	X			X	X	X	X	X
22	DHĐA	Đề án tốt nghiệp			X	X	X	X	X			X	X	X	X	X

10. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC TẬP CHUYÊN MÔN

10.1 Người học đã tích lũy đủ ít nhất 30 tín chỉ của các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng) có thể đăng ký thực tập chuyên môn ở ngoài cơ sở đào tạo. Người học tự liên hệ nơi thực tập phù hợp với ngành đào tạo. Trường hỗ trợ người học về các thủ tục hành chính để liên hệ nơi thực tập. Thực tập được coi là một thành phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng).

10.2. Việc đánh giá đối với phần khối lượng học tập là thực tập chuyên môn được thực hiện thông qua hình thức chấm nhật ký thực tập để đánh giá về điểm chuyên cần (trọng số 30%); chấm và thuyết trình báo cáo thực tập để đánh giá về kết quả chuyên môn trong hoạt động thực

tập của người học (trọng số 70%). Việc đánh giá kết quả thực tập của người học về nội dung thuộc chuyên môn do Khoa chuyên môn thực hiện.

11. ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

Việc đánh giá đề án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp do Nhà trường thành lập theo quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành.

BAN GIÁM HIỆU

KHOA SAU ĐẠI HỌC

KHOA DƯỢC